TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2019
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tự;

2. Bà Nguyễn Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Hoa C, sinh năm: 1975; địa chỉ cư trú: Số 138, ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1972; địa chỉ cư trú: Số 138, ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21-01-2019 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Trần Hoa C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau vào năm 1991, tự nguyện không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H không lo làm ăn, đánh bài, đá gà, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vả. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mỗi khi cãi nhau vợ chồng không nói chuyện hay quan tâm gì đến nhau. Tháng 5-2017 vợ chồng cải vã chị bỏ về nhà mẹ ruột ở ấp K sống đến nay. Quá trình ly

thân anh H không điện thoại kêu chị về nhưng chị thường xuyên đi đi về về nhà thăm cháu ngoại của chị. Về hôn nhân: Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Thừa nhận toàn bộ lời trình bày của chị C về thời gian chung sống, vợ chồng không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn là đúng. Anh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là kinh tế gia đình khó khăn, anh đi bán vé số, bản thân lại bệnh tiểu đường, rối loạn tiền đình điều trị không hết, thường xuyên cải vã về tiền bạc. Về hôn nhân: Nay chị C yêu cầu ly hôn anh đồng ý vì thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc.

Do chị C và anh H chung sống với nhau từ năm 1991 không đăng ký kết hôn đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải về hôn nhân cho anh chị theo đúng quy định pháp luật.

Về con chung: Hai anh chị có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh năm: 1992 đã có gia đình riêng; Nguyễn Anh N, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm: 1998 đang sống với anh H. Hiện 03 (ba) con chung đã thành niên, hai anh chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai anh chị không yêu cầu giải quyết .

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến*:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia xét xử vụ án nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Cúc và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Có 03 (ba) người con đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai anh chị không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị C phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng đối với anh Nguyễn Văn H theo đúng quy định pháp luật nhưng anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của chị C anh H, xác định chị C và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: " ... Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý" và tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định "…..Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"

Đối chiếu theo quy định của pháp luật chị C và anh H chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 03 (ba) người con đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, anh chị không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai anh chị không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Cúc và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo biên lai thu số 0011369 ngày 25-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh; chị C đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị C có mặt tại Toà được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh H vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện D;
- Chi cục THADS Huyện D;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Hiền